

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH MIỆN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 17-5-2024

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH MIỆN, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Lý

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Khánh

Bà Nguyễn Thị Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Cao Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà An Thị Hà Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 36/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2024 về việc: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 10 tháng 01 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 25 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Vũ Thị T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Ông Vũ Văn D, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Thôn G, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, nguyên đơn Vũ Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông D tự nguyện đăng ký kết hôn năm 2001, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã. ông D không có trách nhiệm của một người chồng, một người cha, mỗi khi uống rượu đều xúc phạm, bạo hành bà, đánh đuổi ba mẹ con ra khỏi nhà. Hai vợ chồng bà đã không chung sống nhiều tháng nay. Bà nhận thấy hôn nhân không có hạnh phúc, không thể sống chung

với ông D được nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: vợ chồng bà có 02 con chung là Vũ Thị T1, sinh ngày: 12/7/2003, Vũ Anh T2, sinh ngày: 01/5/2006.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bà trình bày cháu T1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, cháu T2 hiện đang sống cùng bà, bà đề nghị được giao trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2, không yêu cầu ông D cấp dưỡng nuôi con. Đến ngày 15/5/2024, bà T trình bày cháu T2 đã trên 18 tuổi, phát triển bình thường nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, về công sức: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nợ chung.

Quá trình tham gia tố tụng tại tòa án, bị đơn Vũ Văn D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: ông và bà T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T năm 2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông tổ chức cuộc sống chung hạnh phúc đến khoảng đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không hợp nhau và không tìm được tiếng nói chung. Bên cạnh đó, ông xác định bà T có lối sống không chung thủy, mặc dù ông nhiều lần khuyên nhủ, bảo ban bà T thay đổi vì con vì cái nhưng không được. Bà T không những không nghe còn bỏ ra ngoài thuê nhà ở riêng từ tháng 6/2023, nhưng ông không đến tìm bà T về lần nào, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai quan tâm ai, mỗi người người có một cuộc sống riêng. Nay bà T xin ly hôn thì ông đồng ý để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng ông có 02 con chung là các cháu Vũ Thị T1, sinh năm 2003 và Vũ Anh T2, sinh ngày 01/5/2006. Đối với cháu T1 đã trưởng thành. Đối với cháu Anh T2, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Trường hợp cháu xin được ở với mẹ thì ông cũng nhất trí giao cháu T2 cho bà T nuôi dưỡng, ông sẽ tự có trách nhiệm với con chung theo điều kiện và khả năng của ông.

Về tài sản chung, nợ chung, về công sức: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Vũ Anh T2 có nguyện vọng được sống cùng mẹ nếu bố mẹ ly hôn.

Tại Biên bản xác minh ngày 02/4/2024, đại diện Ủy ban nhân dân xã T cho biết: địa phương không nắm được mâu thuẫn cụ thể giữa bà T, ông D, chỉ biết bà T đã mang theo con ra ngoài sống từ tháng 6/2023. Từ đó đến nay không quay về sống cùng ông D.

Tại phiên tòa, bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông D được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu về việc Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, đương sự chấp hành quyền và nghĩa vụ theo Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Vũ Thị T được ly hôn ông Vũ Văn D.
- Về con chung: Không phải giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung, công sức: Không phải giải quyết.
- Về án phí: bà Vũ Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xuất phát từ yêu cầu đề nghị ly hôn, nuôi con của bà Vũ Thị T nên xác định đây là vụ án hôn nhân và gia đình về việc “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con*”. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông D được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T, ông D.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà T và ông D tự nguyện đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân là hợp pháp. Hai ông bà chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn và đã không còn chung sống với nhau một thời gian, do đó, bà T đề nghị ly hôn với ông D. Ông D đồng ý ly hôn nhưng ông D vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên tòa nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn hôn nhân của bà T, ông D đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, hôn nhân không thể hàn gắn nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc ly hôn với ông D.

[2.2] Về con chung: ông bà có 02 con chung là các cháu Vũ Thị T1, sinh năm 2003 và Vũ Anh T2, sinh ngày 01/5/2006. Các con chung đều đã trên 18 tuổi, bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: bà T, ông D xác định không có nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí: bà T khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về tranh chấp ly hôn theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227; 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51; 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Vũ Thị T. Bà Vũ Thị T và ông Vũ Văn D được ly hôn.

2. Về án phí: Bà Vũ Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án, ký hiệu BLTU/23, số 0001612 ngày 01/3/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Miện, tỉnh Hải Dương.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thanh Miện;
- Chi cục THADS huyện Thanh Miện;
- UBND xã Tứ Cường, H.Thanh Miện (GCNKH 03, ngày 04/01/2001);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương Lý